TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2019
V/ v ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến
2. Ông Đinh Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Tuyết Vân– Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị H - sinh năm 1987 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm NH 2, xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

+ Bị đơn: Anh Kh – sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: Xóm NH 2, xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

Hiện nay đang cư trú tại Đài Loan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Kh kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với gia đình chồng tại xóm NH 2, xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do kinh tế khó khăn, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nghiêm trọng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ đó vợ chồng

sống ly thân để cả hai có thời gian suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2014, anh Khđi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không cho chị biết và đến nay anh cũng chưa về nước lần nào. Thỉnh thoảng chị có liên lạc với anh Kh qua mạng xã hội nên chị cũng biết anh Kh cũng có nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh Kh thì cả anh Kh cũng như gia đình chồng đều không cho chị biết địa chỉ cụ thể. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Q, sinh ngày 16/02/2012 và D, sinh ngày 06/7/2010. Hiện nay, cả hai con chung đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn, nếu anh Kh ở trong nước thì chị nhất trí để anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng hiện nay anh Kh đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con nên chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 04/01/2019 (lần 1) Toà án đã yêu cầu ông Th và bà Nguyễn Thị K - đại diện thân nhân (bố, mẹ đẻ) của anh Kh cho biết địa chỉ cụ thể của anh Kh nhưng ông Th và bà K đều xác định anh Kh hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan) và vẫn thỉnh thoảng gọi điện về cho ông bà nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh Kh để cung cấp cho Tòa án. Tại biên bản xác minh (lần 2) của Toà án, ông Th và bà Kh cũng vẫn xác định anh Kh đang ở nước ngoài (Đài Loan nhưng ông bà cũng vẫn không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh Kh. Sau khi nhận các văn bản của toà án ông bà điện thoại cho anh Kh biết thì anh Kh có nói lại với ông bà như sau: Anh không có điều kiện gửi lời khai về cho Toà án. Anh muốn chị H suy nghị lại vì con cái nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung Q, sinh ngày 16/02/2012 và D, sinh ngày 06/7/2010. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, anh xác định không có.

Anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 8144/PA01 ngày 27/12/2018 của Phòng An ninh đối ngoại - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam - anh Kh đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 27/10/2014, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị H là người Việt Nam ở trong nước và bị đơn anh Kh là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng chị H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Kh ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh Kh là ông Th bà K có đủ căn cứ xác định anh Kh vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà không cung cấp địa chỉ của bị đơn anh Khvà anh Kh cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Th, bà K cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh Kh ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối Cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Kh trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với gia đình chồng tại xóm NH 2, xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do kinh tế khó khăn, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nghiêm trọng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân để cả hai có thời gian suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2014, anh Kh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không cho chị biết và đến nay anh cũng chưa về nước lần nào. Thỉnh thoảng chị có liên lạc với anh Kh qua mạng xã hội nên chị cũng biết anh Khang cũng có nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh.

Phía bị đơn anh Kh mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh muốn chị H suy nghị lại vì con cái nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy, giữa chị H và anh Kh đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị Hvẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị H được ly hôn anh Kh là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Q, sinh ngày 16/02/2012 và D, sinh ngày 06/7/2010. Hiện nay, cả hai con chung đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn, nếu anh Kh ở trong nước thì chị nhất trí để anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng hiện nay anh Kh đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con nên chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thông qua đại diện thân nhân là ông Th và bà K, qua điện thoại ý kiến của anh Kh xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn đề nghị của cháu D (trên 7 tuổi) thì nguyên vọng của cháu là ở với ông bà nội. Tuy nhiên, chị H đang sinh sống và làm việc ở trong nước có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh Kh hiện này đang sinh sống ở nước ngoài, không có điều kiện trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao 02 con chung là Q, và Lê Văn Dcho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Kh do chị H không yêu cầu. Anh Kh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định không có, phía anh Kh không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] □n phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị H được ly hôn anh Kh; Con chung: Giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Khvì chị H không yêu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối Cao; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh Kh.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Q, sinh ngày 16/02/2012 và D, sinh ngày 06/7/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Kh do chị H không yêu cầu. Anh Kh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp số 0008666 ngày 02/01/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Khang được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đỗ Anh Dân